



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Tổng công ty**

**Quyết định cổ phần hóa số** 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0101463614 ngày 16 tháng 6 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 6 năm 2020.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch (từ ngày 25/5/2020)
	Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch (đến ngày 25/5/2020)
	Ông Đỗ Hữu Tạo	Thành viên (đến ngày 25/5/2020)
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
	Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
	Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên (từ ngày 25/5/2020)
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên (từ ngày 25/5/2020)
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên (đến ngày 25/5/2020)	

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2020)

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban kiểm soát
	Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban kiểm soát
	Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam
-----------------------	--

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

*Lê Quang Tuấn*  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00217-20-1



Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 25-08-2020



Phạm Thị Thùy Linh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>674.696.157.925</b>	<b>519.600.581.498</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>198.628.948.106</b>	<b>30.622.933.390</b>
Tiền	111		101.628.948.106	30.622.933.390
Các khoản tương đương tiền	112		97.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>161.378.608.565</b>	<b>123.480.765.977</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	161.256.497.141	117.371.108.073
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.819.801.173	19.334.123.807
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	11.447.793.584	8.996.424.094
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(23.145.483.333)	(22.220.889.997)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>314.113.447.693</b>	<b>364.462.278.838</b>
Hàng tồn kho	141		323.499.948.017	364.462.278.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.386.500.324)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>575.153.561</b>	<b>1.034.603.293</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		575.153.561	517.447.076
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	94.761.081
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	-	422.395.136
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.047.770.897.276</b>	<b>1.040.820.477.041</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>296.074.006.761</b>	<b>270.435.178.251</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	294.606.546.956	268.845.264.860
Nguyên giá	222		633.849.300.177	589.679.108.378
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(339.242.753.221)	(320.833.843.518)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.467.459.805	1.589.913.391
Nguyên giá	228		6.749.935.312	6.749.935.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.282.475.507)	(5.160.021.921)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>27.759.335.374</b>	<b>51.357.231.938</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	27.759.335.374	51.357.231.938
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>647.075.008.788</b>	<b>647.233.030.158</b>
Đầu tư vào công ty con	251		615.700.000.000	615.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(34.624.991.212)	(34.466.969.842)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>76.862.546.353</b>	<b>71.795.036.694</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	76.862.546.353	71.795.036.694
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.722.467.055.201</b>	<b>1.560.421.058.539</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>339.977.000.775</b>	<b>251.474.069.747</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>339.977.000.775</b>	<b>251.474.069.747</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	51.326.067.761	44.573.581.741
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.790.549.988	4.834.243.974
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	29.682.263.665	14.822.209.321
Phải trả người lao động	314		16.490.564.097	15.827.738.027
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	29.426.551.707	13.377.538.802
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	20.421.970.544	21.107.145.735
Vay ngắn hạn	320	22	190.084.828.007	137.537.523.526
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	754.205.006	(605.911.379)
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.382.490.054.426</b>	<b>1.308.946.988.792</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>1.382.490.054.426</b>	<b>1.308.946.988.792</b>
Vốn cổ phần	411	25	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	337.707.716.549	337.707.716.549
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		212.315.823.186	138.772.757.552
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		138.772.754.748	2.632.740.965
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		73.543.068.438	136.140.016.587
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.722.467.055.201</b>	<b>1.560.421.058.539</b>

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Lê Quang Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>742.152.862.492</b>	<b>791.738.249.493</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>30</b>	<b>505.713.904.671</b>	<b>556.949.394.021</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>236.438.957.821</b>	<b>234.788.855.472</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	1.010.823.488	23.346.418.900
Chi phí tài chính	22	32	5.189.653.797	11.642.331.019
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.443.201.779	3.246.038.766
Chi phí bán hàng	25	33	97.645.357.934	108.770.890.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	39.944.258.560	31.712.310.878
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>94.670.511.018</b>	<b>106.009.741.739</b>
Thu nhập khác	31	35	2.251.292.183	22.836.166.349
Chi phí khác	32		1.604.709.627	897.547.453
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>646.582.556</b>	<b>21.938.618.896</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>95.317.093.574</b>	<b>127.948.360.635</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>37</b>	<b>21.774.025.136</b>	<b>21.661.779.395</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>73.543.068.438</b>	<b>106.286.581.240</b>

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>30/6/2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>95.317.093.574</b>	<b>127.948.360.635</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	23.126.040.974	15.923.870.248
Các khoản dự phòng	03	10.469.115.030	9.514.310.604
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	33.972.968	71.523.888
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(233.261.657)	(43.404.572.623)
Chi phí lãi vay	06	3.443.201.779	3.246.038.766
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>132.156.162.668</b>	<b>113.299.531.518</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(45.556.072.237)	(43.341.171.894)
Biến động hàng tồn kho	10	40.962.330.821	(7.017.411.388)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	35.453.338.800	16.967.998.020
Biến động chi phí trả trước	12	(6.087.189.061)	(2.400.512.422)
		<b>156.928.570.991</b>	<b>77.508.433.834</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.443.201.779)	(3.246.038.766)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.130.623.996)	(17.522.036.515)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.086.179.000)	(4.477.453.004)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>138.268.566.216</b>	<b>52.262.905.549</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(23.088.984.538)	(47.221.624.260)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	156.792.725	24.358.818.181
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	122.335.832	14.664.659.046
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22.809.855.981)</b>	<b>(8.198.147.033)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	275.563.569.608	394.468.196.028
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(223.016.265.127)	(279.604.492.447)
Tiền trả cổ tức	36	-	(129.093.409.060)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>52.547.304.481</b>	<b>(14.229.705.479)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>168.006.014.716</b>	<b>29.835.053.037</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>30.622.933.390</b>	<b>35.328.060.944</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)</b>	<b>70</b>	<b>198.628.948.106</b>	<b>65.163.113.981</b>

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởngLê Quang Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

### **(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Sự bùng phát của Virus Corona (Covid-19) từ tháng 1 năm 2020 có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu. Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số hạn chế về cách ly xã hội, giãn cách xã hội cũng như các hạn chế đối với giao thương, gây ra sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Thành phố Đà Nẵng, Tổng công ty đã và đang theo dõi chặt chẽ diễn biến của đại dịch do Covid-19 gây ra, đồng thời thực hiện đánh giá và áp dụng các biện pháp ứng phó nhằm đảm bảo hoạt động an toàn và liên tục của Tổng công ty. Cho đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, công việc đánh giá và ứng phó vẫn được tiếp tục thực hiện.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Cấu trúc Tổng công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 2 công ty con và 1 công ty liên kết). Các công ty con và công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 16.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng công ty có 333 nhân viên (1/1/2020: 331 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### ***Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng**

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 Tòa nhà Mipec, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(iv) Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Vốn khác và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Tổng Công ty.

**(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê (nếu có) được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Ngoại trừ các vấn đề được nêu ở Thuyết minh 1(d), không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi nào trong cơ cấu đơn vị phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	3.012.665.814	807.787.355
Tiền gửi ngân hàng	98.616.282.292	29.815.146.035
Các khoản tương đương tiền	97.000.000.000	-
	198.628.948.106	30.622.933.390

**9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
Các công ty thuộc Petrolimex	83.349.016.014	39.832.860.105
<b>Các bên khác</b>		
Công ty Vận tải biển Vinalines	3.516.090.319	2.309.064.455
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
Total Lubrifiants Hong Kong Limited	-	4.304.047.418
Các khách hàng khác	66.924.913.897	63.458.659.184
	161.256.497.141	117.371.108.073

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
Phải thu khác từ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con	2.217.231.325	1.698.254.072
Phải thu khác từ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	1.167.345.027	1.422.241.580
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	523.597.093	723.597.091
	<hr/> 3.908.173.445	<hr/> 3.844.092.743
<b>Các bên khác</b>		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	3.423.946.020	1.812.852.615
Phải thu từ người lao động	377.641.597	80.913.697
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.738.032.522	3.258.565.039
	<hr/> 11.447.793.584	<hr/> 8.996.424.094
	<hr/>	<hr/>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2020			1/1/2020				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-
Công ty TNHH TM&VT Hoàng Phát	Trên 3 năm	2.026.286.342	(2.026.286.342)	-	Trên 3 năm	2.126.286.342	(2.126.286.342)	-
Công ty TNHH MTV Hàng hải Viễn Đông	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-
Các công ty khác	Trên 3 năm	6.740.062.888	(6.740.062.888)	-	Trên 3 năm	6.798.705.787	(6.232.099.848)	566.605.939
Các công ty khác	2 - 3 năm	1.449.807.299	(1.014.865.109)	434.942.190	2 - 3 năm	760.622.154	(532.435.508)	228.186.646
Các công ty khác	1 - 2 năm	1.957.410.090	(986.212.545)	971.197.545	1 - 2 năm	1.412.200.500	(706.100.250)	706.100.250
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	1.130.136.888	(339.041.067)	791.095.821	6 tháng - 1 năm	1.949.842.224	(584.952.667)	1.364.889.557
		25.342.718.889	(23.145.483.333)	2.197.235.556		25.086.672.389	(22.220.889.997)	2.865.782.392
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn								
			(23.145.483.333)				(22.220.889.997)	



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	23.618.623.324	-	6.059.493.051	-
Nguyên vật liệu	150.560.522.112	(2.465.153.768)	187.552.811.082	-
Công cụ và dụng cụ	5.275.266.965	-	9.150.482.145	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.392.965.861	-	29.765.402.341	-
Thành phẩm, hàng hóa	116.652.569.755	(6.921.346.556)	131.934.090.219	-
	<b>323.499.948.017</b>	<b>(9.386.500.324)</b>	<b>364.462.278.838</b>	<b>-</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 12.440 triệu VND hàng thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2020: không có).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	235.988.575.286	289.189.536.004	46.463.691.681	18.037.305.407	589.679.108.378
Tăng trong kỳ	4.948.275.940	6.933.296.473	-	909.356.214	12.790.928.627
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.454.369.252	16.603.465.588	-	-	35.057.834.840
Thanh lý	(144.000.000)	(2.235.847.013)	(736.900.000)	(561.824.655)	(3.678.571.668)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>259.247.220.478</b>	<b>310.490.451.052</b>	<b>45.726.791.681</b>	<b>18.384.836.966</b>	<b>633.849.300.177</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	117.566.104.660	161.007.475.760	28.497.400.329	13.762.862.769	320.833.843.518
Khấu hao trong kỳ	8.662.213.738	11.303.124.518	1.171.604.046	904.672.169	22.041.614.471
Thanh lý	(98.133.100)	(2.235.847.013)	(736.900.000)	(561.824.655)	(3.632.704.768)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>126.130.185.298</b>	<b>170.074.753.265</b>	<b>28.932.104.375</b>	<b>14.105.710.283</b>	<b>339.242.753.221</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	118.422.470.626	128.182.060.244	17.966.291.352	4.274.442.638	268.845.264.860
Số dư cuối kỳ	133.117.035.180	140.415.697.787	16.794.687.306	4.279.126.683	294.606.546.956

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 129.588 triệu VND (1/1/2020: 131.243 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.749.935.312
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	5.160.021.921
Khấu hao trong kỳ	122.453.586
Số dư cuối kỳ	5.282.475.507
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	1.589.913.391
Số dư cuối kỳ	1.467.459.805

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 3.814 triệu VND (1/1/2020: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	51.357.231.938	74.970.780.815
Tăng trong kỳ	12.738.116.089	23.656.830.938
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(35.057.834.840)	(40.018.068.613)
Biến động khác	(1.278.177.813)	-
Số dư cuối kỳ	27.759.335.374	58.609.543.140

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	5.173.339.360	23.191.357.171
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	2.801.870.630	18.075.697.277
Công trình xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Trà Nóc	3.468.992.687	21.100.000
Tài sản chờ lắp đặt	4.550.000.000	1.278.177.813
Các công trình khác	11.765.132.697	8.790.899.677
	27.759.335.374	51.357.231.938

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Đầu tư tài chính dài hạn**

		30/6/2020			1/1/2020		
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty con</b>							
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Hà Nội		100%	361.400.000.000	-	(*)	(*)
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Hà Nội		100%	254.300.000.000	-	(*)	(*)
				615.700.000.000	-	615.700.000.000	
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</b>							
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(34.624.991.212)	(*)	(*)
				681.700.000.000	(34.624.991.212)	681.700.000.000	(34.466.969.842)

(\*)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

## 17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	31.305.594.054	15.792.100.544	11.034.223.044	13.663.119.052	71.795.036.694
Tăng trong kỳ	-	-	3.638.938.135	11.612.105.110	15.251.043.245
Phân bổ trong kỳ	(679.971.121)	(282.001.796)	(3.222.902.246)	(5.998.658.423)	(10.183.533.586)
Số dư cuối kỳ	30.625.622.933	15.510.098.748	11.450.258.933	19.276.565.739	76.862.546.353



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **18. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	463.358.844	813.328.771
▪ Công ty TNHH Castrol BP PETCO	1.173.179.259	1.681.816.007
	<hr/> 1.636.538.103	<hr/> 2.495.144.778
<b>Các bên khác</b>		
▪ ELF Lubrifiants Paris	6.540.973.701	13.867.147.306
▪ Công ty TNHH Châu Phước Thành	3.315.373.533	2.770.622.493
▪ Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	2.899.815.129	2.755.815.129
▪ Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	2.100.384.000	1.778.480.000
▪ Các nhà cung cấp khác	34.832.983.295	20.906.372.035
	<hr/> 51.326.067.761	<hr/> 44.573.581.741

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020			Số phát sinh trong kỳ		Số đã khấu trừ		30/6/2020
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	2.175.533.988	134.908.541.603	(50.266.014.410)	(78.380.094.726)		8.437.966.455	
Thuế nhập khẩu	-	-	6.421.057.793	(6.421.057.793)	-		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	422.395.136	7.664.658.144	21.774.025.136	(14.130.623.996)	-		14.885.664.148	
Thuế bảo vệ môi trường	-	4.322.625.332	30.095.486.960	(28.198.129.560)	-		6.219.982.732	
Thuế thu nhập cá nhân	-	659.391.857	1.704.713.900	(2.225.455.427)	-		138.650.330	
Thuế khác	-	-	700.738.667	(700.738.667)	-		-	
	422.395.136	14.822.209.321	195.604.564.059	(101.942.019.853)	(78.380.094.726)		29.682.263.665	

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	20.708.969.935	9.117.538.802
Chi phí phải trả về xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả khác	8.717.581.772	4.260.000.000
	29.426.551.707	13.377.538.802

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Phải trả cổ tức	1.589.822.300	1.589.822.300
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.138.066.490	1.999.594.894
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải trả khác	2.694.081.754	2.517.728.541
	20.421.970.544	21.107.145.735

(\*) Đây là khoản tiền Tổng công ty nhận từ Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/PLC-NHO ngày 5 tháng 2 năm 2016 giữa Tổng công ty với Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia liên quan đến dự án xây dựng tại khu đất 152 Nguyễn Khoái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2020</b> <b>Giá trị ghi sổ và</b> <b>số có khả năng</b> <b>trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/6/2020</b> <b>Giá trị ghi sổ và</b> <b>số có khả năng</b> <b>trả nợ</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	
Vay ngắn hạn	137.537.523.526	275.563.569.608	(223.016.265.127)	190.084.828.007

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại</b> <b>tiền</b>	<b>Lãi suất</b> <b>năm (%)</b>	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,8 - 5,8	87.119.215.148	37.886.634.703
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	5,4	-	4.945.581.584
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,5 - 5,5	102.965.612.859	94.705.307.239
			190.084.828.007	137.537.523.526

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 tháng đến 5 tháng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	(605.911.379)	(3.234.783.042)
Trích lập trong kỳ	-	8.233.557.667
Hoàn nhập trong kỳ	2.446.295.385	-
Sử dụng trong kỳ	(1.086.179.000)	(4.477.453.004)
Số dư cuối kỳ	754.205.006	521.321.621

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	123.734.650.101	1.286.998.385.248
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	6.910.496.093	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
(Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	337.707.716.549	20.463.604.691	85.591.095.739	1.255.765.326.979
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	337.707.716.549	20.463.604.691	138.772.757.552	1.308.946.988.792
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	337.707.716.549	20.463.604.691	212.315.823.186	1.382.490.054.426

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	80.798.839	807.988.390.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>	
<b>Cổ đông</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.083.070.000	20,93%
	807.975.660.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 121.196 triệu VND (tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức là ngày 16 tháng 7 năm 2020; do đó cổ tức phải trả được ghi nhận vào tháng 7 năm 2020 (30/6/2019: tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 129.276 triệu VND, tương đương 1.600 VND trên một cổ phiếu, ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức là ngày 14 tháng 6 năm 2019).



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
Đô la Mỹ ("USD")	16.957	396.707.198	60.178	1.397.924.952
Euro ("EUR")	217	6.189.022	223	6.344.574
		<hr/>		<hr/>
		402.896.220		1.404.269.526
		<hr/>		<hr/>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Đã được duyệt	25.900.000.000	56.319.000.000
	<hr/>	<hr/>

**29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>30/6/2019 VND</b>
Bán dầu mỡ nhờn	717.778.687.696	762.069.822.086
Bán hàng hóa khác	24.374.174.796	29.668.427.407
	<hr/>	<hr/>
	742.152.862.492	791.738.249.493
	<hr/>	<hr/>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	474.782.681.407	527.516.800.947
Giá vốn hàng hóa khác	21.544.722.940	29.432.593.074
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.386.500.324	-
	<hr/>	<hr/>
	505.713.904.671	556.949.394.021
	<hr/>	<hr/>

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	122.335.832	1.063.907.669
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	21.216.533.258
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	888.487.656	1.065.977.973
	<hr/>	<hr/>
	1.010.823.488	23.346.418.900
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.443.201.779	3.246.038.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.348.188.863	1.021.104.747
Chiết khấu thanh toán	240.241.785	300.789.007
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	158.021.370	7.074.398.499
	<hr/>	<hr/>
	5.189.653.797	11.642.331.019
	<hr/>	<hr/>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	14.411.211.157	16.109.362.387
Chi phí vận chuyển	12.786.214.299	12.731.140.090
Chi phí hỗ trợ bán hàng	33.003.016.464	36.963.158.098
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	21.815.327.504	22.772.764.787
Chi phí khấu hao	2.453.030.650	2.670.066.407
Chi phí sửa chữa	1.141.959.199	3.690.697.930
Chi phí bán hàng khác	12.034.598.661	13.833.701.037
	<b>97.645.357.934</b>	<b>108.770.890.736</b>

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	19.642.116.088	15.993.840.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.553.833.255	1.406.728.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	917.130.304	1.312.924.492
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.831.178.913	12.998.817.288
	<b>39.944.258.560</b>	<b>31.712.310.878</b>

**35. Thu nhập khác**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư	156.792.725	21.124.131.696
Các khoản khác	2.094.499.458	1.712.034.653
	<b>2.251.292.183</b>	<b>22.836.166.349</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	396.288.083.788	466.479.883.935
Chi phí nhân viên	48.777.817.070	43.472.647.499
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.126.040.974	15.923.870.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.642.545.272	14.119.700.150
Chi phí khác	97.183.971.284	100.925.196.640

**37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	95.317.093.574	127.948.360.635
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	19.063.418.715	25.589.672.127
Chi phí không được khấu trừ thuế	653.057.927	315.413.920
Thu nhập không bị tính thuế	-	(4.243.306.652)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.057.548.494	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.774.025.136	21.661.779.395

**(b) Thuế suất áp dụng**

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
▪ Trả cổ tức	-	102.222.814.400
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	37.093.600	22.631.800
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	-	11.110.000
▪ Lợi nhuận được chia	-	9.248.749.254
▪ Hỗ trợ đầu tư	-	15.109.000.000
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	835.576.300	607.152.600
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	73.922.000	73.580.000
▪ Lợi nhuận được chia	-	11.967.784.004
<b>Các công ty liên quan</b>		
<i>Các công ty thuộc Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	623.056.623.959	647.169.696.756
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	3.765.219.610	5.798.986.159
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	7.972.248.790	9.410.376.491
<b>Tổng Giám đốc</b>		
▪ Tiền lương và thưởng	599.127.000	904.104.745
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên khác thuộc Ban Tổng Giám đốc</b>		
▪ Tiền lương và thưởng	2.119.853.000	3.032.359.775

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**39. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

Người lập:

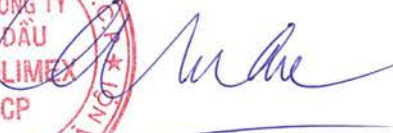


Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Quang Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc

